Tên đề tài số 13: App đặt bàn - 1 NHÀ HÀNG nhất định

Số thứ tự nhóm: 14

Thành viên nhóm:

1. Nguyễn Quang Vũ - 18110241
2. Bùi Hà Nhi - 18110168
3. Huỳnh Trần Thảo Nhi - 18110169

## Yêu cầu chức năng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức năng** | **Yêu cầu người dùng** | **Yêu cầu hệ thống** |
| 1 | Đăng nhập | Đăng nhập | -nhập số điện thoại  -gửi mã OTP  -đăng nhập vào hệ thống |
| 2 | Đăng xuất | Đăng xuất | Đăng xuất thoát khỏi hệ thống |
| 3 | Tra cứu nhà hàng | Tìm kiếm | * List thành phố * List quận * Hiển thị lịch * Hiển thị giờ * List vị trí bàn * List vị trí phòng |
| 4 | Tìm món ăn | Tìm kiếm | * List các món ăn cần tìm hoặc tương tự |
| 5 | Gợi ý | Tìm kiếm nhanh | * Đưa đến 1 mục cụ thể * List thành phố * List quận * Hiển thị lịch * Hiển thị giờ * List vị trí bàn * List vị trí phòng |
| 6 | Review | Đánh giá | * Lọc đánh giá |
| 7 | Hỗ trợ khách hàng | Gửi tin nhắn | * Phản hồi tin nhắn |
| 8 | Ưu đãi khách hàng | Chọn ưu đãi phù hợp | * Xử lý ưu đãi |

## 

## Yêu cầu phi chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Yêu cầu phi chức năng** |
| 1 | Hệ thống phải liên tục cập nhật thông tin nếu chuỗi nhà hàng có những thay đổi. Ví dụ: mở thêm chi nhánh; nhà hàng thay đổi vị trí bàn, phòng ăn,...; nhà hàng thêm món ăn mới, hoặc xóa món ăn khỏi menu... |
| 2 | Băng thông mạng đủ (Sufficient network bandwidth) |
| 3 | Lưu trữ dữ liệu |
| 4 | Hiệu quả (tiêu thụ tài nguyên cho tải nhất định) |
| 5 | Hiệu quả (kết quả thực hiện liên quan đến nỗ lực) |
| 6 | Yếu tố cảm xúc |
| 7 | Khả năng mở rộng (thêm các tính năng và chuyển tiếp các tùy chỉnh khi nâng cấp phiên bản lớn tiếp theo) |
| 8 | Khả năng chịu lỗi (ví dụ: Giám sát, đo lường và quản lý hệ thống vận hành) |
| 9 | Tính linh hoạt (ví dụ: để đối phó với những thay đổi trong tương lai về yêu cầu) |
| 10 | Quốc tế hóa và bản địa hóa |
| 11 | Khả năng tương tác |
| 12 | Các vấn đề pháp lý và cấp phép hoặc khả năng tránh vi phạm bằng sáng chế |
| 13 | Khả năng bảo trì |
| 14 | Sự quản lý |
| 15 | Khả năng sửa đổi |
| 16 | Cấu trúc mạng |
| 17 | Mã nguồn mở |
| 18 | Khả năng hoạt động |
| 19 | Hiệu suất / thời gian phản hồi (kỹ thuật hiệu suất) |
| 20 | Khả năng tương thích nền tảng |
| 21 | Quyền riêng tư (tuân thủ luật bảo mật) |
| 22 | Tính di động |
| 23 | Chất lượng (ví dụ: lỗi được phát hiện, lỗi đã phân phối, hiệu quả loại bỏ lỗi) |
| 24 | Độ tin cậy (ví dụ: Thời gian trung bình giữa / đến thất bại - MTBF / MTTF) |
| 25 | Khả năng phục hồi |
| 26 | Hạn chế về tài nguyên (tốc độ bộ xử lý, bộ nhớ, dung lượng đĩa, băng thông mạng, v.v.) |
| 27 | Thời gian đáp ứng |
| 28 | Khả năng mở rộng (ngang, dọc) |
| 29 | Bảo mật (mạng và vật lý) |
| 30 | Khả năng tương thích phần mềm, công cụ, tiêu chuẩn, v.v. |
| 31 | Khả năng kiểm tra |
| 32 | Khả năng sử dụng (yếu tố con người) của cộng đồng người dùng mục tiêu |
| 33 | Âm lượng |

**User phần mềm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **User** | **Mô tả** |
| 1 | Khách hàng vãng lai | * Có thể **xem**: vị trí nhà hàng, danh sách bàn ăn, vị trí phòng, danh sách món ăn, đánh giá về món ăn, đánh giá nhà hàng. * Do khách hàng vãng lai thì không có tài khoản nên không thể sử dụng chức năng “Hỗ trợ khách hàng” và chức năng “Đặt bàn” - order. * Có thể đăng ký tài khoản để trở thành Khách hàng. |
| 2 | Khách hàng | * Có các quyền như khách hàng vãng lai * Có thể order món, đặt bàn, review - đánh giá, đăng nhập |
| 3 | Nhân viên | * Được phép xem và tìm kiếm món ăn * Tư vấn khách hàng * Nhận order từ khách hàng * Có quyền thanh toán, đổi bàn, đổi phòng, đổi món |
| 4 | Quản lý | * Có các quyền như nhân viên * Có quyền quản lý nhân viên, thêm - xóa - sửa - cập nhật nhân viên, thông tin nhà hàng, món ăn, các chương trình khuyến mãi... |
| 5 | Quản trị viên | * Có thể sử dụng tất cả tính năng trên ứng dụng. * Có toàn quyền quyết định về việc thêm, xóa, sửa các **users** khác, các cập nhật thay đổi của chuỗi nhà hàng... |